TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày 31 tháng 8 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Khắc

2. Bà Quách Thị Tình

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2018, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 29/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-DS ngày 14/7/2020 và việc tạm ngừng phiên tòa ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng chính sách xã hội V;

Địa chỉ: Toà nhà C, bán đảo L, HL, HM, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Dương Quyết T – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Vương Quốc M – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T (*Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016*).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

Ông Tạ Văn P – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, Thanh Hoá (*Văn bản uỷ quyền số 30/UQ-NHCS ngày*

15/11/2017 của Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T).

- *Bị đơn*:

1. Ông Hoàng Văn Th; sinh năm: 1959

Nơi cư trú: T4, TS, xã T (*nay là thôn NB, thị trấn K*), huyện TT, tỉnh Thanh Hoá.

2. Bà Mai Thị L; sinh năm: 1959.

Nơi cư trú: T4, TS, xã T (*nay là thôn NB, thị trấn K*), huyện TT, tỉnh Thanh Hoá.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Anh Hoàng Xuân T – Sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: T4, TS, xã T (*nay là thôn NB,thị trấn K*), huyện TT, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Số 28, Đ3, phường P, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên toà có mặt ông Tạ Văn P, ông Hoàng Văn Th; vắng mặt bà Mai Thị L, anh Hoàng Xuân T. Bà L vắng mặt không có lý do; anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2017, bản tự khai ngày 05/01/2018 và tại phiên hoà giải ngày 04/4/2018, Ngân hàng chính sách xã hội V phòng giao dịch huyện T, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 28/01/2008, ông Hoàng Văn Th là người vay và bà Mai Thị L là người thừa kế có vay của Ngân hàng theo chương trình cho vay Học sinh, sinh viên cho sinh viên thụ hưởng là Hoàng Xuân T, số tiền vay 2 lần (*lần 1 vay 16.000.000đ cho Hoàng Xuân T học trung cấp, lần 2 vay 19.000.000đ cho Hoàng Xuân T học liên thông lên Đại học*), tổng hai lần vay là 35.000.000đ, lãi suất cho vay 0,5%/tháng (Lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay), thời hạn vay 116 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 04/10/2017. Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đến làm việc với gia đình nhưng gia đình ông Th không hợp tác trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu ông Th, bà L thanh toán số tiền nợ cả gốc và lãi đến ngày 05/10/2017 là 44.745.009đ (*Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn không chín đồng*).

Tại phiên toà ngày 26/6/2018, đại diện nguyên đơn là ông Tạ Văn P yêu cầu Tòa án đưa anh Hoàng Xuân T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để liên đới trách nhiệm trả nợ Ngân hàng cùng với ông Th, bà L.

Ngày 30/3/2020, đại diện nguyên đơn là ông Tạ Văn P có văn bản trình bày nội dung: Do xét thấy hiện nay ông Th có đủ điều kiện trả nợ và đã làm thủ tục nhận trách nhiệm trả nợ khoản vay nên không cần thiết khởi kiện bà L và

anh T nên Ngân hàng chỉ yêu cầu ông Hoàng Văn Th trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến 30/3/2020 là 52.117.115 đồng theo khế ước nhận nợ số S27147 ngày 28/01/2008 (*Trong đó nợ gốc là 35.000.000đ, tiền lãi là 17.117.115đ*).

Tại bản tự khai ngày 09/3/2018 và tại phiên hoà giải ngày 04/4/2018, ông Hoàng Văn Th trình bày: Năm 2008, gia đình ông có vay của NHCSXH huyện T, Thanh Hoá theo chương trình cho vay Học sinh, sinh viên cho sinh viên thụ hưởng là Hoàng Xuân T số tiền vay là 35.000.000đ, lãi suất cho vay 0,5%/tháng, thời hạn vay 116 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 04/10/2017, người thừa kế khi vay là bà Mai Thị L. Đến nay, gia đình ông vẫn chưa trả nợ được cho Ngân hàng. Ông đồng ý trả nợ, nhưng số tiền nợ trên thì ông yêu cầu chia đôi, ông và bà L phải có trách nhiệm trả mỗi người một nửa số tiền nợ cả gốc và lãi phát sinh với NHCSXH huyện T, Thanh Hoá, vì mục đích vay tiền cho con trai là Hoàng Xuân T đi học đại học.

Ngày 20/3/2020 ông Hoàng Văn Th có bản tự khai trình bày việc vay nợ ngân hàng như lời khai trước đây, nay ông nhận thấy việc vay nợ là do ông đứng ra đại diện hộ gia đình vay, do đó ông đồng ý trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh đến ngày 20/3/2020 là 52.035.911đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ, ông không yêu cầu bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T trả nợ cùng ông. Tại phiên tòa ngày 30/7/2020, ông Hoàng Văn Th đề nghị Tòa án buộc vợ ông là bà Mai Thị L có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông số tiền gốc và lãi do việc vay nợ cho anh T là con chung do đó khoản nợ ngân hàng là khoản nợ chung của ông và bà L.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2018 và tại phiên hoà giải ngày 04/4/2018, bà Mai Thị L trình bày: Bà và ông Th sau khi ly hôn đã thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng như sau: Vợ chồng có một mảnh đất tại t4, TS, xã K, huyện TT, tỉnh Thanh Hoá đã chia đôi cho bà và ông Th mỗi người một nữa, đã làm văn bản chia mảnh đất trên. Còn số nợ trong quá trình chung sống của vợ chồng gồm 65.000.000đ vay để tổ chức đám cưới cho con và 35.000.000đ vay của NHCSXH huyện T, tỉnh Thanh Hoá để cho con trai đi học đại học. Bà và ông Th sau khi ly hôn đã thoả thuận bằng miệng là bà có trách nhiệm trả nợ số tiền 65.000.000đ còn ông Th có trách nhiệm trả nợ số tiền 35.000.000đ vay của NHCSXH huyện T. Tại bản tự khai bà L không đồng ý trả nợ. Tại phiên hoà giải bà đồng ý trả tiền lãi phát sinh còn số tiền gốc 35.000.000đ ông Th phải trả cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai đề ngày 02/6/2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Xuân T trình bày: Năm 2008, bố anh là ông Hoàng Văn Th có vay của Ngân hàng số tiền 35.000.000đ theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên. Tuy nhiên, bản thân anh không được sử dụng số tiền này, đến nay số tiền trên đã quá hạn trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế và bố mẹ anh đã ly hôn nên bố anh chưa trả được cho Ngân hàng. Nay bố anh là người đại diện hộ gia đình đứng ra vay nợ tự nguyện đứng ra trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 20/3/2020 là 52.035.911đ và số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả

hết nợ anh cũng đồng ý để bố anh đứng ra trả nợ cho Ngân hàng. Sau khi ông Th thay đổi yêu cầu tại phiên tòa ngày 30/7/2020 về việc buộc mẹ anh là bà L có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cùng với ông Th khoản nợ vay cho anh đi học. Nhận thấy, bản thân có một phần nghĩa vụ trả nợ cùng với bố, mẹ, khi làm hồ sơ vay vốn, anh T cũng đã cam kết sẽ có trách nhiệm cùng trả nợ với bố mẹ, đến nay mặc dù thu nhập chưa cao nhưng anh T xin nhận trách nhiệm trả nợ cùng với bố anh là ông Hoàng Văn Th và mẹ anh là bà Mai Thị L 1/3 (Một phần ba) số nợ gốc và số tiền lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn là ông Tạ Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông đồng ý với sự tự nguyện của anh Hoàng Xuân T về việc anh T nhận trách nhiệm trả nợ 1/3 số tiền gốc đã vay và số tiền lãi phát sinh theo quy định của ngân hàng. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn Th, bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T phải trả số nợ gốc là 35.000.000đ, số tiền lãi phát sinh đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm (31/8/2020) là 18.367.682 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 53.367.682đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn đã ký giữa các bên.

Ông Hoàng Văn Th giữ nguyên nội dung như yêu cầu tại phiên tòa ngày 30/7/2020, yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị L cùng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cùng với ông vì khi vay nợ ông và bà L đang là vợ chồng, việc vay nợ là vay chung cho của vợ chồng cho con chung là anh Hoàng Xuân T đi học; ông đồng ý với sự tự nguyện của con ông là anh Hoàng Xuân T về việc tự nguyện nhận trách nhiệm trở nợ 1/3 số tiền gốc và số lãi phát sinh ông và bà Mai Thị L; số tiền nợ gốc còn lại và số lãi phát sinh sau khi trừ đi số tiền anh T phải trả thì cả ông và bà L có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Tòa căn cứ vào các Điều 463, 466 BLDS năm 2015; chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc ông Th, bà L, anh T mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/8/2020 là 17.789.227 đồng và tiễn lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng, buộc các bị đơn và người có nghĩa vụ liên quan chịu án phí sơ thâm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng có giao nộp cho Toà án Bản sao Sổ vay vốn của ông Hoàng Văn Th, Bản sao Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của ông Hoàng Văn Th, Bản sao Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ của ông Hoàng Văn Th, Bản sao Giấy đề nghị vay vốn học sinh sinh viên học liên thông của ông Hoàng Văn Thiều. Trong đơn khởi kiện, Ngân hàng có ghi thông tin của bà Mai Thị L, sinh năm 1965 theo thông tin trong Sổ vay vốn, trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã giao nộp cho Toà án một đơn xác nhận với nội dung là do sơ suất trong quá trình thiết lập hồ sơ vay vốn đã ghi bà Mai Thị L, sinh năm 1965, nhưng thông tin trong chứng minh nhân dân thì bà Mai Thị L, sinh năm 1959, Uỷ ban nhân dân xã K xác nhận thông tin bà Mai Thị L sinh năm 1965 và bà Mai Thị L, sinh năm 1959 là một người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn Th, bà Mai Thị L đều có địa chỉ tại t4, TS, xã K (*nay là thôn N B, thị trấn K*), huyện TT, tỉnh Thanh Hoá yêu cầu trả nợ số tiền đã vay theo khế ước nhận nợ, sổ vay vốn ngân hàng nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Đối với bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; bà Mai Thị L triệu tập nhiều lần đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng bà L vẫn không có mặt mà không có lý do; anh Hoàng Xuân T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt bà L và anh T là đúng pháp luật.

Về vấn đề sai lệch năm sinh của bà Mai Thị L giữa sổ vay vốn, đơn khởi kiện và chứng minh nhân dân: Ngân hàng đã có trình bày là do sơ suất trong quá trình thiết lập hồ sơ và đã có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã K (*Nay là thị trấn K*), huyện TT. Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS được coi là chứng cứ.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy đề nghị kiêm khế ước nhận nợ ngày 27/01/2008, sổ vay vốn số 2700221122, mã món vay số S27147, mã khách hàng 270125 Ngân hàng đã giải ngân cho ông Thiều nhận tiền vào ngày 28/01/2008 là 8.000.000đ, ngày 06/10/2008 là 4.000.000đ, ngày 20/02/2009 là 4.000.000đ, ngày 01/3/2011 là 9.000.000đ, ngày 02/12/2011 là 10.000.000đ, tổng số tiền đã giải ngân là 35.000.000đ. Việc ông Th, bà L vay vốn Ngân hàng được ông Th, bà L và anh T xác nhận; như vậy việc vay tiền là có thực, nội dung của hợp đồng không trái pháp luật, được thể hiện bằng văn bản. Đây là hợp đồng hợp pháp được chấp nhận. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Th, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông Th, bà L không chấp hành và lãi tồn đọng theo đúng cam kết trả nợ phân kỳ do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Th, bà L phải trả cho ngân hàng số tiền gốc là 35.000.000đ và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký kết. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về người trực tiếp trả nợ: Thời điểm ông Th bắt đầu vay tiền là ngày 28/01/2008, với mức vay là 16.000.000đ; đến năm 2011, ông Th vay thêm 19.000.000đ, mục đích vay cho con chung của ông Th và bà L là Hoàng Xuân T đi học; khi vay vốn anh Hoàng Xuân T đã có cam kết trả nợ vào ngày 11/5/2010

cam kết sẽ có trách nhiệm cùng với trả nợ số tiền vay Ngân hàng để anh T đi học. Như vậy, cả ông Th, bà L và anh T đều xác nhận gia đình có vay của Ngân hàng số tiền 35.000.000đ cho anh T đi học. Mặc dù bà L trình bày là sau khi ly hôn bà và ông Th có thoả thuận bằng miệng là ông Th có trách nhiệm trả nợ số tiền 35.000.000đ cho Ngân hàng, nhưng ông Th không thừa nhận, bà L cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc thoả thuận của ông bà. Như vậy, xác định số tiền nợ 35.000.000đ và lãi phát sinh đến ngày 31/8/2020 là nợ chung của ông Thiều và bà Liên với Ngân hàng, người thụ hưởng số tiền vay và cam kết cùng có trách nhiệm trả nợ là anh Hoàng Xuân T; ông Th và bà L và anh T đều có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Mặc dù, đến ngày 20/3/2020 ông Hoàng Văn Th đã có bản tự khai xác định việc vay nợ là do ông đứng ra đại diện hộ gia đình vay, do đó ông tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh (*tạm tính đến ngày 20/3/2020*) là 52.035.911đ và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả hết nợ, ông không yêu cầu bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T trả nợ cùng ông. Ngày 30/3/2020, đại diện nguyên đơn là ông Tạ Văn P có văn bản đồng ý với sự tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ của ông Hoàng Văn Th; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Xuân T cũng có lời khai đồng ý với sự tự nguyện nhận trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng của bố anh là ông Hoàng Văn Th, sự tự nguyện của ông Th cũng phù hợp với ý kiến của bà L trong lời bản tự khai và quá trình Tòa án hòa giải để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 30/7/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông Hoàng Văn Th yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị L cùng có nghĩa vụ trả nợ cùng với ông và ông đồng ý với sự tự nguyện của con ông là anh Hoàng Xuân T về việc anh T nhận trách nhiệm trả 1/3 số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/3/2020.

Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn có mặt là ông Hoàng Văn Th, ý kiến của anh Hoàng Xuân T là phù hợp với các quy định của pháp luật do đó đủ cơ sở chấp nhận buộc ông Hoàng Văn Th, bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc đã vay là 35.000.000đ, số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 31/8/2020 là 18.367.682đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 53.367.682 đồng. Chia theo phần: Ông Th phải trả số tiền gốc và lãi là 17.789.227 đồng; bà Mai Thị L phải trả 17.789.227 đồng; anh Hoàng Xuân T phải trả 17.789.227 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký kết giữa các bên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Về án phí: Do ông Th, bà L, anh T phải trả toàn bộ số tiền Ngân hàng yêu cầu nên phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc ông Hoàng Văn Th; bà Mai Thị L; anh Hoàng Xuân T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), tiền lãi tính đến ngày 31/8/2020 31/8/2020 là 18.367.682đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 53.367.682 đồng. Chia theo phần: Ông Th phải trả số tiền gốc và lãi là 17.789.227 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng*); bà Mai Thị L phải trả số tiền gốc và lãi là 17.789.227 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng*); anh Hoàng Xuân T phải trả số tiền gốc và lãi là 17.789.227 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/8/2020), ông Hoàng Văn Th, bà Mai Thị L, anh Hoàng Xuân T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm khế ước nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Về án phí: Ông Hoàng Văn Th, bà Mai Thị L, anh Hoàng Xuân T mỗi người phải chịu 889.400đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện nguyên đơn là ông Tạ Văn P, bị đơn là ông Hoàng Văn Th, vắng mặt bà Mai Thị L và anh Hoàng Xuân T. Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà L, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Minh